

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 3 LẦN 1 - NĂM 2025

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
1	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105165	Trần Ngọc Uyên	30/12/2003	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
2	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111361	Khổng Thị Vân Anh	19/10/2003	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
3	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111365	Lê Thị Thúy Duy	23/07/2003	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
4	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111377	Nguyễn Thị Kim Ngân	18/07/2002	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
5	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111383	Nguyễn Thị Tú Quỳnh Như	11/08/2003	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
6	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111384	Nguyễn Lâm Khả Như	29/08/2003	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
7	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111395	Trần Thanh Minh Thư	12/04/2003	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
8	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111420	Lê Phan Khánh Linh	08/12/2003	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
9	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111433	Đào Thị Kim Quyên	23/01/2003	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
10	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1700044	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	12/08/1999	N	Ngôn ngữ Anh	
11	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1801105	Nguyễn Trần Lan Anh	30/08/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
12	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1808412	Trần Đan Vi	07/04/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
13	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1811143	Nguyễn Hiếu Nghĩa	20/02/2000		Ngôn ngữ Anh	
14	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1811159	Phạm Minh Phước	25/10/2000		Ngôn ngữ Anh	
15	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1900216	Nguyễn Hoài Phong	14/08/2000		Ngôn ngữ Anh	
16	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1900218	Trần Thị Ngọc Thi	22/08/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
17	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2000133	Trần Thị Như Thư	11/07/2001	N	Ngôn ngữ Anh	
18	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105139	Huỳnh Thị Kim Y	04/01/2003	N	Ngôn ngữ Anh	
19	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105168	Sơn Thị Mỹ Xuyên	15/03/2003	N	Ngôn ngữ Anh	
20	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111376	Lê Trúc Ngân	19/05/2003	N	Ngôn ngữ Anh	
21	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111378	Thạch Thị Thanh Ngân	19/02/2003	N	Ngôn ngữ Anh	
22	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111380	Huỳnh Sĩ Nguyên	21/07/2003		Ngôn ngữ Anh	
23	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111407	Lý Giáng Xuân	24/12/2003	N	Ngôn ngữ Anh	
24	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111412	Nguyễn Hoàng Duy	17/10/2003		Ngôn ngữ Anh	
25	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111413	Nguyễn Thành Đạt	30/05/2003		Ngôn ngữ Anh	
26	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111419	Lưu Đăng Khoa	27/12/2003		Ngôn ngữ Anh	
27	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111432	Hồ Trường Phát	06/02/2003		Ngôn ngữ Anh	
28	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111438	Nguyễn Phước Thịnh	20/06/2003		Ngôn ngữ Anh	
29	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111445	Cao Văn Trọng	22/09/2003		Ngôn ngữ Anh	
30	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111449	Lê Đỗ Tường Vi	22/03/2003	N	Ngôn ngữ Anh	
31	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111457	Phạm Ngọc Minh Châu	29/06/2003	N	Ngôn ngữ Anh	
32	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111461	Châu Tiến Đạt	16/02/2003		Ngôn ngữ Anh	
33	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111487	Nguyễn Huỳnh Tuấn	21/12/2003		Ngôn ngữ Anh	
34	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	C2200024	Nguyễn Thị Phương Anh	01/06/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
35	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	C2200039	Nguyễn Thị Thanh Mai	02/11/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
36	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	C2200041	Hà Trịnh Bích Ngọc	07/08/1999	N	Ngôn ngữ Anh	
37	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	C2200047	Nguyễn Tú Như	16/09/2001	N	Ngôn ngữ Anh	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
38	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	C2200050	Trần Thị Lan Phương	21/07/1999	N	Ngôn ngữ Anh	
39	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	C2200056	Lê Hữu Tình	30/12/1999		Ngôn ngữ Anh	
40	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	C2300011	Kiên Chiêne	11/03/1990		Ngôn ngữ Anh	
41	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	C2300015	Trịnh Nhã Hân	28/06/2002	N	Ngôn ngữ Anh	
42	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	C2300020	Phạm Thị Kim Quý	20/10/2001	N	Ngôn ngữ Anh	
43	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	S2200002	Huỳnh Ngọc Lan Anh	19/10/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
44	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	S2200008	Trần Thị Thanh Thi	21/05/1995	N	Ngôn ngữ Anh	
45	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1808712	Nguyễn Thị Kim Thoa	01/04/1999	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
46	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1909395	Phạm Võ Đức Duy	31/10/2001		Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
47	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2005250	Hồ Ngọc Hân	26/08/2002	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
48	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2005260	Nguyễn Thị Ánh Liên	13/02/2001	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
49	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2005323	Lưu Ngọc Diệp	14/09/2002	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
50	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2103459	Phạm Ngọc Huyền	06/05/2003	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
51	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105226	Huỳnh Thảo Nguyên	01/01/2003	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
52	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105238	Trần Minh Thư	30/04/2003	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
53	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105261	Trần Chấn Minh	22/03/2003		Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
54	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105286	Trần Hồng Hạnh Uyên	10/01/2003	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
55	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111497	Đinh Nguyễn Hồng Ánh	17/09/2003	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
56	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111516	Bùi Thị Tiểu My	03/10/2003	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
57	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111524	Lê Nguyễn Trúc Nhi	15/07/2003	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
58	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111525	Võ Phạm Anh Nhựt	06/09/2003	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
59	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111539	Lê Quyền Trân	06/01/2003	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
60	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111572	Lâm Diễm Nghi	01/06/2003	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
61	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111591	Võ Anh Thư	13/05/2003	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
62	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111593	Nguyễn Thị Huyền Trân	02/12/2002	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
63	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111594	Trần Quốc Triều	27/11/2003		Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
64	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111600	Huỳnh Thị Bảo Yến	24/11/2003	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
65	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2106893	Đặng Vương Kim Ngân	06/09/2003	N	Ngôn ngữ Pháp	
66	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2106906	Châu Mỹ Quỳnh	31/10/2003	N	Ngôn ngữ Pháp	
67	FL	4555/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2016188	Đặng Thị Ánh Dương	16/12/2002	N	Sư phạm Tiếng Pháp	
68	FL	4438/QĐ-ĐHCT	16/09/2025	B2016104	Huỳnh Dương Châu Kha	10/01/2002	N	Sư phạm Tiếng Anh	
69	FL	4438/QĐ-ĐHCT	16/09/2025	B2112690	Đặng Cao Quốc An	05/12/2003		Sư phạm Tiếng Anh	
70	FL	4438/QĐ-ĐHCT	16/09/2025	B2112736	Thạch Lâm	01/01/2003		Sư phạm Tiếng Anh	
71	FL	4438/QĐ-ĐHCT	16/09/2025	B2112753	Nguyễn Thị Quý Thiện	23/08/2003	N	Sư phạm Tiếng Anh	
72	FL	4438/QĐ-ĐHCT	16/09/2025	B2016191	Lê Thị Hồng Ngân	28/10/2002	N	Sư phạm Tiếng Pháp	
73	FL	4438/QĐ-ĐHCT	16/09/2025	B2112765	Dương Trang Đài	25/10/2003	N	Sư phạm Tiếng Pháp	